

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 5

CHƯƠNG II: NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ VIÊN TU

Mục 1: NÊU RA CÁI CĂN ĐỂ CHỈ CHỖ MÊ

Đoạn 1: Xin Khai Thị Cách Cởi Nút

Chánh văn:

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Tuy Như Lai đã dạy nghĩa quyết định thứ hai, song con xem trong thế gian, những người cởi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu, thì chắc không thể cởi được. Bạch Thế Tôn! Con và các hàng Thanh văn hữu học trong hội này cũng giống như vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng con cùng sinh, cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được căn thiện nghe nhiều pháp Phật thế này, nhưng tiếng là xuất gia mà cũng như người sốt rét cách nhật, xin nguyện đức Đại từ thương xót kẻ chìm đắm, chính nơi thân tâm hiện nay, chỉ cho chúng con thế nào là nút, do đâu mà cởi, cũng khiến cho chúng sinh khổ não nơi vị lai được khỏi luân hồi, không sa vào ba cõi.

*** Chú thích:**

Trong đoạn này, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy phải xét trừ cội gốc phiền não, nghĩa là phải cởi cho được cái nút ràng buộc thì mới được giải thoát, nên ông yêu cầu Phật, chính nơi thân tâm hiện tiền, chỉ cho thế nào là nút, do đâu mà cởi.

Đoạn 2: Mười Phương Như Lai Phóng hào quang, đồng một lời nêu ra cái căn

Chánh văn:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót A-nan và hàng hữu học trong hội, lại cũng vì tất cả chúng sinh nơi đời vị lai tạo cái nhân xuất thế, làm đạo nhân cho tương lai: Ngài dùng tay sáng ngời xoa đánh đầu A-nan. Liền khi ấy, trong tất cả thế giới của chư Phật nơi mười phương hiện đủ

sáu thứ rung động, các Đức Như Lai, số như vi trần, trong các cõi ấy, mỗi Ngài đều có hào quang báu từ nơi đỉnh đầu phát ra, hào quang ấy đồng một thời từ các cõi kia chiếu đến rừng Kỳ-đà, soi nơi đỉnh đầu của Đức Như Lai, tất cả đại chúng đều được điều chưa từng có.

Khi ấy, A-nan và cả đại chúng đều nghe các Đức Như Lai nơi mười phương, số như vi trần, tuy khác miệng, nhưng đồng một lời, bảo A-nan: Hay thay, A-nan! Ông muốn biết cái câu - sinh vô minh là cái đầu nút, khiến ông phải luân hồi sinh tử, chính nó là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác, ông lại muốn biết tánh Bồ-đề vô thượng, khiến ông mau chóng chứng đạo quả an vui, giải thoát, vắng lặng, diệu thường, thì cũng chính là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác.

*** Chú thích:**

Pháp giới tánh như như bình đẳng, vốn không có cột, không có cửi, nhưng đã trót vì mê lầm, hóa ra có ràng buộc, thì cũng phải dùng phương tiện cửi mở để cho được giải thoát, giải thoát và ràng buộc là do nhận thức đúng đắn hay nhận thức sai lầm nơi căn trần đối hiện, vì thế nên mười phương Như Lai đồng một lời bảo Tôn giả A-nan cái nút vô minh, khiến cho ông phải luân hồi, tức là sáu căn của ông, cũng như cái tri kiến cho ông được giải thoát, cũng tức là sáu căn của ông, chứ không phải vật gì khác.

Đoạn 3: Chỉ Rõ Căn Trần Để Lựa Bỏ Cái Vọng Thức

Chánh văn:

A-nan tuy được nghe pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật:

- Vì sao cái khiến cho con bị luân hồi, sống chết hay được an vui, diệu thường, cũng đều là sáu căn, chứ không phải vật gì khác?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Căn và trần đồng một nguồn, cột và cửi không phải hai, cái thức phân biệt là luống dối như hoa đốm giữa hư không. A-nan! Nhân cái trần mà phát ra cái biết của căn, nhân cái căn mà có ra cái tướng của trần, tướng phần của sở kiến (đối tượng nhận thức) và kiến phần của năng kiến (chủ thể nhận thức) đều không có tự tánh, như những cành cây lau gác vào nhau.

*** Chú thích:**

A-nan chưa rõ điều ấy, nên Phật lại dạy thêm: Căn và trần đồng một nguồn, cột và cửi không phải hai, cái thức phân biệt là luống dối như hoa đốm giữa hư không. Căn là năng tri, là chủ

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,
quan hay biết, trần

là sở tri, là khách quan bị hay biết, theo phân biệt của thể gian thì hình như khác nhau lắm, nhưng xét cho kỹ thì chủ và khách, năng và sở đều đối đãi với nhau mà thành, nếu không có sở thì lấy gì gọi là năng, nếu không có năng thì do đâu mà lập thành sở, năng và sở đối hiện ra nhau, nương với nhau mà có, ngoài năng không có sở, ngoài sở không có năng, năng và sở đã không tách rời nhau, nên phải đồng một nguồn, không thể có bản tánh khác nhau được, vì vậy, theo pháp tướng, kiến phần năng tri và tướng phần sở tri đều do một thức thể biến hiện, như hai cái tay của một thân người, thật không có gì để phân biệt một bên là năng, một bên là sở.

Căn và trần đồng một thể tánh, đồng một nguồn gốc, không thể tách rời nhau, nhưng chúng sinh mê lầm không rõ điều ấy, nơi căn trần đối hiện, lại giả dối phân biệt, nhận cái căn thuộc về tâm năng tri và cái trần là cảnh sở tri, làm cho ngoài tâm có cảnh, ngoài cảnh có tâm, tâm và cảnh đối lập với nhau, sinh ra những điều ràng buộc. Chư Phật, Bồ-tát giác ngộ căn và trần là đồng thể, nơi căn trần đối hiện, không phân biệt năng sở, nên được giải thoát khỏi các sự ràng buộc. Như thế, cột cũng chính là nơi căn trần đối hiện mà bị ràng buộc, cửi cũng chính là nơi căn trần đối hiện mà được giải thoát, chứ không phải có thay đổi gì nơi căn trần cả.

Căn và trần đã không có lỗi, thì cái lỗi do đâu? Tất cả những điều mê lầm đều do cái thức phân biệt, chia ra sự này, vật khác, trong sự thật không hai, không khác, cái thức phân biệt như thế, chỉ do mê lầm mà thành, không có thật thể, nên ví dụ như hoa đốm giữa hư không, nên nhận rõ nhân cái trần mới thành cái căn, nhân cái căn mới thành cái trần, thì trần và căn đều không có tánh riêng, đều nương nhau mà phát hiện như huyễn như hóa và cái thức phân biệt thật có căn riêng, có trần riêng, lại càng giả dối như huyễn như hóa nữa.

Khi chúng ta xem một bụi lau, các cây lau gác nhau, làm cho ở giữa thành những hình chéo, những hình vuông khác nhau, tất cả những hình như vậy đều không có tự thể, đều do các cây lau gác lại với nhau mà thành, nên mỗi khi có một cây lau lay động, thì hình gác đó cũng thay đổi theo, không có gì là nhất định. Cái thức cũng giống như vậy, nó theo duyên mà phát khởi, như huyễn như hóa, không có gì là nhất định.

Đoạn 4: Lựa Bỏ Cái Vọng Để Bày Tỏ Chỗ Thanh Tịnh Chân Thật
Chánh văn:

Vậy nên nay ông chính nơi tri kiến, lập ra tướng tri kiến tức là cội gốc của vô minh, chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là Niết-bàn vô lậu chân tịnh, làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác.

*** Chú thích:**

Xét như trên thì rõ, cột và cửi đều do nhận thức sai lầm hay đúng đắn. Nếu nơi tri kiến, phân biệt lập thành những tướng năng tri và sở tri, tức là cội gốc vô minh. Nếu nơi tri kiến, không thấy có tướng năng tri, sở tri, tức là giác ngộ, là chân như trí, là căn bản trí, là tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, chứ không phải là tìm đâu xa nữa.

**Đoạn 5: Nói Bài Kệ Chỉ Rõ Chân Và Vọng Không Có Tánh,
Hễ Theo Tánh Viên Thông Thì Xoay Về Bản Giác**

Chánh văn:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ:

Nơi chân tánh hữu vi là không

*Vì duyên sinh, nên giống như
huyễn Vô vi thì không sinh, không
diệt Chẳng thật như hoa đốm hư
không Nói cái vọng để tỏ cái chân*

*Vọng, chân ấy, cả hai đều
vọng Còn không phải chân và
phi chân Làm sao có năng kiến,
sở kiến Thức ở giữa, không có
thật tánh Vậy nên, như hình lau
gác nhau Cột cũng như cửi đồng
một nhân*

*Thánh và phàm không có hai
đường Hãy xem tánh hình lau gác
nhau Đâu phải là không hay là có*

*Mê mờ nghĩa đó, là vô
minh Thấu tỏ nghĩa ấy, thì giải
thoát Cửi nút, tuy phải theo thứ
lớp Sáu đã cửi, một cũng
không còn*

*Nơi các căn, chọn tánh viên
thông Nhập lưu được thì thành
Chánh giác Thức A-đà-na rất nhỏ
nhiệm*

Tập khí lưu hành như

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,

nước dốc E lằm là chân hay

phi chân

Nên Ta thường không diễn giảng đến

*Tự tâm trở chấp lấy tự tâm
Không phải huyễn, thành ra pháp
huyễn Không chấp trước, không gì phi
huyễn Cả cái phi huyễn còn không sinh
Pháp huyễn, làm sao thành
lập được Ấy gọi Tam-ma-đề như
huyễn
Không nhiễm, tịnh như Diệu
liên hoa Gãy ngón tay, vượt hàng vô
học Pháp ấy không gì so sánh được
Là một đường thẳng vào
Niết-bàn Cửa các Đức Thế Tôn
mười phương.*

*** Chú thích:**

Trong đoạn này, Phật tóm tắt những đạo lý đã dạy từ trước trong một bài kệ để chỉ rõ đường lối tu hành như huyễn Tam-ma-đề.

Hai câu đầu “Nơi chân tánh hữu vi là không, vì duyên sinh, nên giống như huyễn” cốt chỉ rõ tất cả các pháp hữu vi thế gian đều không có tự tánh. Đối với vọng tưởng của chúng sinh, thì các pháp hữu vi là có, nhưng sự thật, thì các pháp hữu vi không thật có. Phật nêu ra ba chữ “Nơi chân tánh” để chỉ rõ Phật đương nói về thật tánh của sự vật, chứ không phải nói theo sự hiểu biết thông thường của thế gian, do đó, tránh được cái lỗi “thế gian tương vi”. Mỗi khi lập ra tỷ lượng thì đủ ba phần “tông, nhân và dụ”. Trong câu này, “Nơi chân tánh hữu vi là không” thuộc về tông, “vì duyên sinh” thuộc về nhân và “giống như huyễn” thuộc về dụ. Như có người hỏi, tại sao nơi chân tánh, các pháp hữu vi lại là không thật có, thì đáp vì các pháp ấy là duyên sinh. Nếu họ lại hỏi tại sao duyên sinh lại không thật có, thì đáp vì nó như các trò huyễn thuật.

Duyên sinh là thế nào? Duyên sinh là do những ảnh hưởng, đối đãi, kết hợp, nương tựa, liên hệ của các sự vật khác mà hóa ra có, như do các chữ kết hợp lại mà thành một câu văn. Câu văn này chỉ sự kết hợp của các chữ, ngoài các chữ thì không còn gì đáng gọi là câu văn, lại khi thêm một số chữ, bớt một số chữ hay xáo lộn một số chữ, thì câu văn đã thay đổi, không còn là câu văn trước nữa, như thế, câu văn thật là duyên sinh, không có tự tánh. Song, nói câu văn cho dễ hiểu, chứ tất cả sự sự vật vật, thân thể cũng như hoàn cảnh, đều đối đãi với nhau mà thành, do cái này có nên cái kia có, do cái kia có nên cái này

có, vốn không có tự tánh, nên đều là duyên sinh cả. Tất cả sự sự vật vật, tức là tất cả các pháp hữu vi, đều thuộc về tâm hay thuộc về cảnh, đều duyên sinh như thế, nên chỉ hình như có, chứ không phải thật có. Các

nhà huyền thuật, nơi không có cây, thôi miên quần chúng, làm cho thấy có cây, nơi không có cọp, làm cho thấy có cọp, cái cây đó, con cọp đó chỉ hình như có, chứ không phải thật có, nên dùng làm ví dụ. Đạo lý của câu này rất quan trọng, nhận rõ và thật chứng đạo lý này, thì được giải thoát khỏi tất cả các sự mê lầm của thế gian.

Hai câu thứ hai “Vô vi thì không sinh, không diệt, chẳng thật như hoa đốm hư không”, cốt đối trị các pháp chấp, lầm nhận thật có Niết-bàn, thật có giải thoát. Các pháp vô vi có sáu thứ là: Hư không vô vi, Trạch diệt vô vi, Phi trạch diệt vô vi, Tướng thọ diệt vô vi, Bất động vô vi, Chân như vô vi.

Vô vi chỉ đối với hữu vi mà thành lập, hữu vi đã không thật có thì đối với gì mà gọi là vô vi. Vì thế, nên Phật bác sự cố chấp thật có vô vi như sau: Các pháp vô vi không thật có, vì không sinh, không diệt, như hoa đốm giữa hư không.

Hai câu thứ ba “Nói cái vọng để tỏ cái chân, vọng, chân ấy, cả hai đều vọng” cốt để chỉ rõ sự thật là tuyệt đối, không thể dùng những tư tưởng đối đãi mà hình dung sự thật được. Vì thế, khi nói các pháp hữu vi là vọng để bày tỏ vô vi là chân, thì đó chỉ là phương tiện. Đến khi nhận rõ hữu vi, vô vi đều không thật có thì mới biết cái chân, đối với cái vọng, chưa phải là sự thật. Người tu hành khi trực nhận các pháp hữu vi là giả dối, không thật có, thì đã nhận đúng sự thật rồi, nếu trong khi ấy, lại lập ra cái “không thật có”, đối đãi với cái “thật có”, thì đã vẽ rắn thêm chân, tự che lấp sự thật mà thôi.

Bốn câu sau “Còn không phải chân và phi chân, làm sao có năng kiến, sở kiến, thức ở giữa, không có thật tánh, vậy nên, như hình lau gác nhau” cốt để chỉ rõ chân tánh là tuyệt đối, cả cái đối đãi thành chân với không chân cũng không còn, huống nữa là cái đối đãi thành năng và sở. Căn và trần đối đãi với nhau mà thành, nên đều là duyên sinh như huyền, vậy cái thức ở giữa căn trần, do căn trần duyên nhau mà có phân biệt, thì lại càng duyên sinh như huyền. Căn và trần, ví dụ như những cây lau, do bốn đại kết hợp mà thành, nên cùng với các pháp hữu vi đều là duyên sinh như huyền, các cây lau căn, trần gác lại với nhau thành những hình vuông, hình chéo ở giữa, tức là cái thức phân biệt, thì cái thức ấy rõ ràng là giả dối, không có gì là chắc thật cả.

Sáu câu sau “Cột và mở đồng một sở nhân, Thánh và phàm không có hai đường. Hãy xét tánh hình lau gác nhau, đâu phải là không hay là có. Mê mờ nghĩa đó là vô minh, phát minh nghĩa đó thì giải thoát”, cốt để chỉ rõ nơi căn, trần đối hiện, phát ra

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,
vọng tưởng phân biệt, tức là cột

và cũng chính nơi căn, trần đối hiện, nhận rõ tất cả đều duyên khởi như huyễn, không có gì đáng phân biệt, tức là cõi. Như thế, cột và cõi đồng nhân nơi căn, trần mà có, chứ không phải ngoài căn, trần mà có, do đó, Thánh và phàm cũng chỉ khác nhau ở chỗ nhận thức đúng đắn và nhận thức sai lầm mà thôi. Phật dạy, hãy xét những hình chéo, hình vuông do các cây lau gác lại mà thành, để nhận rõ thật tánh của nó là thế nào. Nói có, thì ngoài các cây lau ra, không có các hình lau gác, nói không, thì khi các cây lau gác nhau, vẫn thấy hình như có những hình chéo hình vuông. Tất cả các pháp, bản tánh đều như vậy, nó đều là duyên khởi, không có tự tánh, như huyễn như hóa, ra ngoài cái có và cái không, nhân duyên hội họp, thì nó hình như có, nhưng không phải thật có. Nếu mê lầm, không nhận rõ pháp tánh như thế, chấp có thật ngã, thật pháp, tức là vô minh. Nếu phát minh ra được đạo lý ấy, nhận rõ pháp tánh là duyên khởi như huyễn, thì liền được giải thoát.

Bốn câu sau “Cởi nút, tuy phải theo thứ lớp, sáu đã cởi, một cũng không còn. Nơi các căn, chọn tánh viên thông, nhập lưu được, thì thành Chánh giác” cốt chỉ cho biết, về lý, tuy có thể ngộ liền được như thế, nhưng về sự, thì cần phải nương theo lý mà tu tập, lần lượt trừ thói quen mê lầm, cũng như cởi nút phải theo thứ lớp. Đến khi sáu nút đều đã cởi xong, nếu lại chấp còn cái một, tức là vẽ rắn thêm chân, vì do có các nút, nên có sự đối đãi giữa một và sáu, các nút đã cởi hết rồi, không còn gì đáng gọi là sáu, thì do đâu mà có cái một. Bản tánh của các căn là diệu chân như tánh, ra ngoài các sự phân biệt, nào có, nào không, nào năng, nào sở. Tánh ấy, cũng tức là bản tánh của tất cả sự vật, không cuộc vào một thân nào, không cuộc vào một pháp nào, thông suốt cùng khắp, không có gì ngăn ngại, nên gọi là viên thông. Tánh viên thông ấy, mọi người đều có sẵn, khi quan sát thật tánh sự vật, chứng nhập tánh viên thông, thì là nhập lưu và thành Chánh giác.

Bốn câu “Thức A-đà-na rất nhỏ nhiệm, tập khí lưu hành như nước dốc, e lầm là chân hay phi chân, nên Ta thường không diễn giảng đến” cốt chỉ tu tập tức là huân tập thức thứ tám A-đà-na với những tâm niệm tự giác. A-đà-na thức, dịch là chấp trì thức, bản tánh là vô ký, không phải thiện, không phải ác, tùy theo sự huân tập mà hiện ra có thiện, có ác, có mê, có ngộ. Chúng sinh mãi theo vọng tưởng chấp có thật ngã, dùng vọng tưởng ấy huân tập A-đà-na thức, làm cho trong A-đà-na thức có những tập khí (tức là những chủng tử) chấp ngã. Do có những

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,

tập khí chấp ngã như thế, nên gọi A-đà-na thức là A lại gia thức, tức là cái tạng thức nắm giữ tập khí chấp ngã.

Khi diệt trừ được ngã chấp, nghĩa là khi chủng tử vô ngã trí đủ sức ngăn cản không cho chủng tử chấp ngã phát khởi ra hiện hành, thì A-đà-na thức lại đổi tên là dị thực thức.

Dị là khác, thực là thành thực, dị thực gồm có ba nghĩa: Nghĩa thứ nhất, là khác thời gian mà thành thực, như mỗi ngày học một ít chữ, lâu ngày thành người biết chữ. Nghĩa thứ hai, là khác loài mà thành thực, như người học toán học, lúc học trong sách thì khác, đến khi ra ứng dụng, thì lại làm những bài toán không có trong sách. Nghĩa thứ ba, là biến ra khác mà thành thực, tức là do sự huân tập lâu ngày, chất chứa trong tạng thức, mà có thể biến ra những kết quả đột xuất, khác với những điều đã được huân tập, như người học rộng, suy xét nhiều, có thể phát minh những điều chưa có trong sách vở, hoặc khác hẳn với những điều đã ghi trong sách vở.

Vì dị thực thức theo cái nhân của sự huân tập mà hiện ra quả, nên tùy sự huân tập, cái quả nơi dị thực thức thường có thay đổi.

Đến khi diệt hết pháp chấp, nghĩa là các chủng tử pháp chấp bị chân như trí ngăn cản không cho hiện hành, thì đệ bát thức biến thành thuần thiện, không còn là vô ký, do đó, không thể chịu các phiền não mê lầm huân tập nữa. Khi ấy, A-đà-na đổi tên là Bạch tịnh thức (Am- ma-la thức), kết hợp với đại viên kính trí và người tu hành được lên Kim cương địa, nghĩa là chứng được thường trụ pháp thân.

Thức A-đà-na là cái sức làm cho có sống, nên rất nhỏ nhiệm, nó phát sinh ra ý thức, nhưng ý thức không thể trực tiếp biết nó được. Nó theo các sự huân tập mà thành những thói quen, gọi là tập khí hay là chủng tử, những thói quen này, sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, kín đáo tiếp tục mãi mãi trong đệ bát thức, chỉ khi nào gặp nhân duyên khởi ra hiện hành, thì mới thấy được mà thôi. Ví dụ trong đệ bát thức còn tập khí nóng giận, ngày thường không ai biết được, đến khi gặp trường hợp nào đó, phát ra nóng giận thì mới rõ tập khí nóng giận vẫn còn, chứ không phải mất hẳn. Tập khí còn mãi như vậy, nhưng không phải đứng yên một chỗ. Ví như dòng nước dốc, lớp trước, lớp sau nối nhau không dứt, nên thấy hình như có dòng nước ở mãi một chỗ, sự thật, thì dòng nước đó không lúc nào đứng yên. Dòng tập khí cũng vậy, không lúc nào đứng yên. Phật thường ít nói đến đệ bát thức, vì nó nhỏ nhiệm khó nhận, nếu nói là chân, thì trong đệ bát thức của chúng sinh còn rất nhiều tập khí phiền não mê lầm cần phải dứt trừ, nhưng, nếu nói là phi chân (không phải là chân) thì

SỐ 945 - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM,

ngoài đệ bát thức ra, không biết lấy gì mà tu tập nữa. Ví như cái kho, đưa vào vật gì, thì giữ vật ấy, khi đưa cát vào đầy kho,

thì gọi là kho cát, khi đưa vàng vào đầy kho, thì gọi là kho vàng, chứ bản tánh của cái kho, không phải là vàng hay là cát. Đệ bát thức cũng vậy, nó tùy sự huân tập, mà có hiện tượng thay đổi, nhưng bản thân của nó, thì không thay đổi.

Huân tập, có nghĩa như là ướp cái mùi, ướp mùi thối vào cái áo, thì cái áo hôi thối, ướp mùi thơm vào cái áo, thì cái áo hóa thơm. Đệ bát thức cũng vậy, đem những tâm niệm phiền não mê lầm mà huân tập, thì đệ bát thức hóa thành có nhiều tập khí phiền não mê lầm, ngược lại, nếu đem những tâm niệm từ bi giác ngộ mà huân tập, thì đệ bát thức cũng hóa thành có nhiều tập khí từ bi giác ngộ.

Tu tập là đổi những thói quen mê lầm phiền não thành những thói quen từ bi giác ngộ, cho nên cần phải có công tu tinh tiến lâu ngày mới được kết quả. Chỉ khi nào tập khí giác ngộ có đủ sức mạnh lấn át được tập khí mê lầm, thì mới chứng được những đạo quả trên con đường Bồ-đề.

Năm câu sau “Tự tâm trở chấp lấy tự tâm, không phải huyễn, thành ra pháp huyễn. Không chấp trước, không gì phi huyễn, cả cái phi huyễn còn không sinh, pháp huyễn, làm sao thành lập được”, cốt chỉ rõ pháp giới tánh (tâm tánh) là duy nhất, không có gì là năng, là sở, là vọng, là chân, chỉ vì mê lầm chia ra năng sở, phát ra chấp trước, nên mới phân biệt có tâm, có cảnh, có căn, có trần và tất cả sự vật, đó chỉ là đem tự tâm mà đối lập, mà chấp trước cái tự tâm mà thôi. Do chấp trước như thế, nên chia ra có năng tri, có sở tri, có căn thân, có hoàn cảnh, đối đãi với nhau thành ra các pháp như huyễn, mặc dầu bản tánh của tất cả đều là pháp giới tánh, thường trú không thay đổi, không có gì là huyễn hóa cả. Nếu không chấp trước nữa, thì tất cả các pháp, do vọng tưởng chấp trước tạo thành, đều là như huyễn, kể cả cái tánh phi huyễn, cũng là như huyễn. Như thế, thì chẳng những không sinh ra cái tướng sai khác như huyễn của tất cả các sự vật, mà cũng không sinh ra cái tướng phi huyễn nữa.

Bốn câu sau “Áy gọi như huyễn Tam-ma-đề, bảo giác chắc như Kim cương vương, không nhiễm, tịnh như diệu liên hoa, gãy ngón tay, vượt hàng vô học” chỉ rõ pháp tu như thế là tu “Như huyễn Tam-ma-đề” nghĩa là quán tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian đều như huyễn, hình như có, chứ không phải thật có, nghĩa là, đem tánh như huyễn mà lan khắp, mà in vào tất cả các pháp, ngoài tánh như huyễn ra, không còn một pháp nào nữa. Tu theo pháp như huyễn Tam-ma-đề như thế, thì được trí giác ngộ quý báu, vững chắc, không gì có thể phá hoại được,

cũng như chất kim cương vương cứng chắc, không vật gì có thể phá hoại được. Trong như huyện Tam-ma-đề, chân và vọng đều như huyện, nhiễm và tịnh đều như huyện, nên ví dụ với hoa sen nhiễm mầu, sinh ở nơi bùn mà không dính bùn. Như huyện Tam-ma-đề, công dụng lớn lao, làm cho ở trong cảnh giới chúng sinh mà vẫn không rời tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, nên tu theo pháp này, trong giây lát là đã vượt trên hàng vô học Tiểu thừa, còn ở trong vòng có với không, chưa diệt trừ được pháp chấp.

Ba câu sau “Pháp ấy, không gì so sánh được, là một đường thẳng vào Niết-bàn, của các Đức Thế Tôn mười phương”, cốt để chỉ rõ pháp như huyện Tam-ma-đề, không thay đổi cảnh giới mà giác ngộ pháp giới tánh, phát ra diệu dụng như huyện của pháp giới tánh, hóa độ chúng sinh như huyện, đó là pháp tu tối cao, tối diệu, không gì có thể so sánh được. Mười phương Như Lai đều do con đường ấy, mà vào tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, mà viên mãn vô lượng vô biên công đức. Các vị Bồ-tát tu các pháp môn khác, khi đã giác ngộ, cũng phải dùng như huyện Tam-ma-đề để độ sinh thành Phật. Các vị Bồ-tát tu như huyện Tam-ma-đề, thì đi thẳng một đường vào tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, vì như huyện không có lỗi, nghĩa là luôn luôn hợp với trung đạo, ra ngoài cái có và cái không. Pháp như huyện Tam-ma-đề thật là thù thắng, nó chính nơi cảnh giới vọng tưởng mà chứng nhập cảnh giới bất tư nghì, nó phá trừ phiền não mê lầm đến tận gốc, đồng thời làm cho người tu hành làm rất nhiều việc mà vẫn không bị tán loạn, vẫn luôn luôn tinh tiến trên con đường tu tập.

Bài kệ này, ý nghĩa rất sâu xa, thật là câu chú Hiển giáo của Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Người tu hành luôn luôn ghi nhớ bài kệ này, tu tập theo bài kệ này, thì nhất định thành đạo chứng quả.
